

BỔ SUNG TIẾNG LÓNG VÀO CÁC BÀI HỌC CỦA HỌC PHẦN GIAO TIẾP TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ 2 - TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

*Trần Anh Thư**
Email: anhthu251@gmail.com

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/04/2024

Ngày phản biện đánh giá: 15/10/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/10/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.476

Tóm tắt: Mục tiêu của việc dạy tiếng Anh hiện nay với tư cách là một ngôn ngữ khả dụng nhằm hướng đến việc hình thành năng lực giao tiếp hiệu quả cho sinh viên. Và thực tế là muốn giao tiếp hiệu quả thì người học cần hiểu rõ nét văn hóa của người bản địa, đặc biệt là tiếng lóng (slang). Do đó nhân tố văn hóa của ngôn ngữ cũng rất cần thiết đối với sinh viên trong quá trình giao tiếp. Và việc lồng ghép các từ lóng của tiếng Anh vào quá trình dạy và học trong học phần Giao tiếp tiếng Anh, trường Đại học Thương mại vô cùng có ý nghĩa và đem lại hiệu quả.

Từ khóa: năng lực giao tiếp, giao tiếp, tiếng lóng (slang), trường Đại học Thương mại.

I. Đặt vấn đề

Tiếng Anh – một ngôn ngữ phổ biến ngày nay có ý nghĩa to lớn trong việc học tập cũng như công việc của sinh viên. Tiếng Anh giống như một nhu cầu thiết yếu nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp của xã hội. Đó là một công cụ giao tiếp không thể thiếu trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Mục tiêu của việc dạy tiếng Anh hiện nay với tư cách là một ngôn ngữ khả dụng nhằm hướng đến việc hình thành năng lực giao tiếp hiệu quả cho sinh viên. Đặc biệt là việc bổ sung tiếng lóng vào bài học tiếng Anh đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Ngoài ra, xét về khả năng giao tiếp tiếng Anh thì sinh viên trường Đại học Thương mại còn yếu. Vẫn có một khoảng

cách xa giữa đòi hỏi thực tế và khả năng đáp ứng của một bộ phận lớn sinh viên thương mại. Trong các học phần tiếng Anh mà sinh viên không chuyên được học, sinh viên không có nhiều cơ hội giao tiếp, luyện tập kỹ năng nghe, nói, đặc biệt là những giao tiếp có tiếng lóng. Những bài học trong các giáo trình tập trung chủ yếu vào việc cung cấp từ vựng tiếng Anh thương mại và các cấu trúc ngữ pháp. Trong đó các hoạt động giao tiếp, đặc biệt là hoạt động giao tiếp có tiếng lóng chưa được quan tâm, đề cập đến qua các bài học.

Từ thực tế đó chúng tôi nhận thấy sự cần thiết phải tìm hiểu nguyên nhân và giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giữa khả năng của sinh viên và đòi hỏi của xã

* Trường Đại học Thương mại

hội cũng như các nhà tuyển dụng. Sinh viên mặc dù có ý thức học tập tốt với các môn ngoại ngữ nhưng năng lực giao tiếp vẫn không đạt yêu cầu. Điều này rất ảnh hưởng tới hiệu quả công việc của họ.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Hymes (1972: 36) cho rằng: “Văn hóa của một xã hội bao gồm bất cứ điều gì mà người ta phải biết hoặc tin để hành xử theo cách có thể chấp nhận được đối với các thành viên của nó và nó phải là như vậy ở bất cứ một vai nào mà họ chấp nhận đối với bất cứ ai trong số chính họ. Văn hóa, cái mà người ta phải học để phân biệt với di sản sinh học của họ, phải bao gồm sản phẩm cuối cùng của học vấn: kiến thức, hiểu một cách tương đối theo nghĩa trung nhất của từ này.”

Taylor phát biểu rằng: “Văn hóa, hiểu theo nghĩa rộng mang tính dân tộc học là một tổng thể phức hợp bao gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục cùng bất cứ khả năng và thói quen nào khác mà một con người có được với tư cách là một thành viên của xã hội.”

Ngoài ra, Unesco cũng đưa ra định nghĩa như sau: “Văn hóa là tổng thể phức hợp của những đặc tính tinh thần, vật chất, trí tuệ và tình cảm nổi trội giúp xác định một xã hội hoặc nhóm xã hội. Nó không chỉ bao gồm nghệ thuật và văn chương mà còn cả cách thức sống, các quyền cơ bản của con người, các hệ thống giá trị, các truyền thống và đức tin.”

Nhận thức được vai trò của các hoạt động có yếu tố văn hóa trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ là một nhiệm vụ quan trọng của người giáo viên. Trong quá trình dạy học ngoại ngữ giáo viên không nên chỉ tập trung vào việc phát triển ngôn ngữ cho học sinh mà còn phải quan tâm đến việc cung cấp những kiến thức về văn hóa,

đặc biệt là tiếng lóng. Điều này thực sự giúp người học tránh được cú sốc về văn hóa khi giao tiếp với người bản địa.

Ngôn ngữ và văn hóa luôn gắn liền với nhau. Do đó, dạy học tiếng Anh phải luôn song song với việc cập nhật văn hóa. Khi nhận thức được điều này thì các bài học sẽ trở nên thú vị hơn và thực tiễn hơn. Trong nhiều thập kỷ qua, có nhiều công trình nghiên cứu về tiếng lóng nói chung và tiếng lóng trong giới trẻ nói riêng. Chúng ta có thể kể đến các nghiên cứu như: *Kansas university slang: A new generation* của Dundes (1963), *The language of the teenage revolution: the dictionary defeated* của Hudson (1983), *The latest youth slang* của Thorne (2007),

Theo Richmond, phương ngôn có thể thể hiện rõ các quan điểm văn hóa, phong cách sống của con người ở các nền văn hóa, văn minh khác nhau. Từ đó, sinh viên có thêm cơ sở cơ bản và quan trọng trong tìm hiểu văn hóa, cũng như so sánh đối chiếu các nền văn hóa khác nhau để có được ứng xử thích hợp khi sử dụng ngôn ngữ nước ngoài trong giao tiếp.

Tiếng lóng giúp hình thành “năng lực giao tiếp” cho sinh viên. Nếu chỉ có năng lực ngôn ngữ thôi thì chưa đủ cho người học ngoại ngữ thành thạo ngôn ngữ đó, mà phải cần hiểu biết về những nhân tố văn hóa để gần gũi với người bản địa hơn.

2.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Tại Việt Nam, các công trình Ngôn ngữ học xã hội mang tính lý luận như *Ngôn ngữ học xã hội* của Nguyễn Văn Khang (1999), *Tiếng lóng Việt Nam* (2001), *Đặc điểm ngôn ngữ của cộng đồng LGBT trên mạng xã hội* của Nguyễn Thị Ly Na (2021) đã nghiên cứu tiếng lóng của cộng đồng người đồng tính, song tính, và chuyển giới. Ngoài ra, các công trình về tiếng lóng cũng rất có ý nghĩa như: *Một số cách viết tắt của học sinh phổ thông hiện nay* của Lê Thị Thùy Vinh (2005), *Tiếng lóng của*

sinh viên, học sinh Tp Hồ Chí Minh Trần Thị Ngọc Lang (2005), Nguyễn Văn Hiệp (2014) *Một số vấn đề mới trong phát triển và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt ...*

Nhìn chung, đề tài về tiếng lóng ở Việt Nam còn nhiều khoảng trống, đặc biệt là đưa tiếng lóng tiếng Anh vào bài học cho sinh viên trong giờ học giao tiếp thì chưa từng có nghiên cứu nào.

2.2. Cơ sở lý luận

Tiếng lóng là slang (trong tiếng Anh), “lí ngữ” (trong tiếng Hán), còn tiếng Pháp là “argot”.

Thuật ngữ slang ra đời vào thế kỷ XVIII, tuy nhiên nguồn gốc còn chưa rõ ràng. Ngoài slang một số văn bản còn coi jargon là đồng nghĩa với slang, đều là tiếng lóng. Tuy nhiên xét một cách chặt chẽ thì jargon mang những nét nghĩa khác. Trong phạm vi nói đến tiếng lóng ở đây sử dụng thuật ngữ slang. Ban đầu thuật ngữ slang chỉ ngôn ngữ liên quan đến nhóm tội phạm. Những nhóm này tạo ra cách nói lóng mà chỉ có những thành viên sử dụng với nhau. Tiếng lóng sử dụng làm tín hiệu để những nhóm này nhận ra nhau và trao đổi thông tin với nhau mà không bị lộ bí mật. Sau này khái niệm đó được mở rộng hướng tới ngôn ngữ của các nhóm xã hội đóng kín như tội phạm, tù nhân v.v. Thực tế, slang là ngôn ngữ mà những người dưới đáy xã hội sử dụng. Dần dà, nhờ ý nghĩa dùng để giao tiếp mà vẫn giữ bí mật mà tiếng lóng ngày càng phát triển và lan rộng ra tất cả các nhóm xã hội với những đặc trưng riêng.

Trong các nền văn hóa Anh-Mỹ, tiếng lóng có xu hướng phát triển mạnh với sự tập trung vào ngôn ngữ đường phố (street languages). Ngôn ngữ đường phố đi vào cuộc sống, rõ rệt nhất là trong mảng âm nhạc với nhiều bản nhạc rap underground (thế giới ngầm). Từ ngữ lóng mà giới trẻ Âu-Mỹ ưa sử dụng là những từ ngữ thuộc các vấn đề xã hội như giới tính, lối sống, trí tuệ, v.v. Xu hướng này cũng

đã hình thành và dần trở nên phổ biến ở Việt Nam. Nhiều từ ngữ lóng được tạo ra từ những thứ vật dụng quen thuộc hàng ngày hoặc lấy từ phim ảnh.

Tiếng lóng nảy sinh và phát triển hay tàn lụi đều chịu tác động của hoàn cảnh xã hội. Do đó, mặc dù tiếng lóng phát triển trên toàn thế giới như là xu hướng chung song ở các hoàn cảnh xã hội khác nhau thì chủ đề của tiếng lóng lại khác nhau. Ví dụ ở Việt Nam, tiếng lóng trong giới trẻ phát triển mạnh trong tầng lớp học sinh, sinh viên với các chủ đề thi cử, trí tuệ, cách ăn diện, tình bạn, tình yêu, v.v.

Như vậy, từ khái niệm lóng có nghĩa hẹp, từ “lóng” đã mở rộng cả về nội hàm và ngoại diên. Nét nghĩa “bí mật” trong tiếng lóng dần mờ đi (do tiếng lóng vốn là “đặc sản” của nhóm xã hội phạm pháp, thế giới ngầm đã mở rộng ra tất cả các nhóm xã hội), trong khi đó có những đặc điểm mới sinh ra như tiếng lóng được sử dụng nhằm tạo cho phát ngôn một sắc thái khác thường, tăng thêm tính hấp dẫn của lời nói hoặc để phân biệt với các nhóm xã hội khác. Đồng thời với ý nghĩa, thuật ngữ “tiếng lóng” đã mở rộng cả về nội dung, chức năng xã hội, mối quan với ngôn ngữ toàn dân và thái độ xã hội của cộng đồng ngôn ngữ.

Từ ngữ lóng tiếng Anh được hình thành từ các từ sẵn có và bằng cách thức tạo từ mới trong tiếng Anh.

- **Lit:** Tuyệt vời, tuyệt lắm.
- **Slay:** Làm gì đó rất tốt, hoặc làm ai đó rất ấn tượng.
- **Squad:** Nhóm bạn thân.
- **Bae:** Trái tim, người yêu.
- **Fam:** Gia đình, nhóm bạn thân.
- **Savage:** Tàn nhẫn, không khoan nhượng, đôi khi cũng có thể là hài hước.
- **YOLO (You Only Live Once):** Bạn chỉ sống một lần, nên hãy tận hưởng cuộc sống.
- **GOAT (Greatest of All Time):**

Người giỏi nhất trong một lĩnh vực nào đó.

- **Flex:** Thể hiện sự giàu có hoặc thành công, thường thông qua việc khoe khoang.

- **FOMO (Fear of Missing Out):** Sự bị bỏ lỡ cơ hội hoặc trải nghiệm thú vị nào đó.

- **Gucci:** Tốt, thú vị, hợp thời.

- **Dope:** Tuyệt vời, tuyệt lắm.

- **Woke:** Nhận thức sâu sắc về các vấn đề xã hội, thường liên quan đến sự nhận thức về bất bình đẳng và kỳ thị.

- **Thirsty:** Có nhu cầu tìm kiếm sự chú ý hoặc quan tâm từ người khác, thường có ý tiêu cực.

- **Extra:** Phán cảm, quá mức, thường liên quan đến việc làm nhiều hơn cần thiết hoặc quá lộ

- **Cool:** ngầu

- **Flirting:** thả thính

- **To wait for the news:** hóng

- **Drop the heart:** đánh rơi trái tim

- **To hang up, to log off:** treo nick

- **To mess up:** sập bẫy

- **Cheater:** bỏ láo

- **Living fake:** sống ảo

- **Jumping on the bandwagon:** bắt trend

- **Cool fresh:** xịn sò

- **Fast charging:** sạc nhanh

- **Chuffed:** hài lòng

- **Knackered:** cực kỳ mệt

- **Cheeky:** đùa vui

- **Mugged it off:** không học bài, không chuẩn bị gì

- **Bunked off:** bỏ học

- **Play truan:** trốn học

- **Fag:** thuốc lá

- **Mate:** bạn bè

- **Gutted:** thất vọng

- **Manky:** bẩn thỉu

Nhìn chung, có nhiều quan điểm khác nhau đối với tiếng lóng. Tuy nhiên, sự tồn tại của tiếng lóng là điều hiển nhiên không thể phủ nhận, thậm chí một số từ ngữ lóng đã và đang được xã hội hóa và đi vào ngôn ngữ toàn dân. Do vậy, việc xác định một vị trí thỏa đáng của tiếng lóng trong tiếng Anh là một việc làm cần thiết và quan trọng nhằm giúp sinh viên nói tiếng Anh tốt hơn, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp gần với người bản địa hơn.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

3.1. Mục đích và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm khẳng định tiếng lóng đóng vai trò quan trọng trong việc dạy và học tiếng Anh, giúp sinh viên hình thành năng lực để nghe, nói, đọc, viết. Tiếng lóng giúp cho sinh viên vận dụng tốt hơn trong quá trình giao tiếp.

Bổ sung tiếng lóng của người Anh vào các bài học tiếng Anh trong học phần tiếng Anh giao tiếp dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ hai, không chuyên tiếng Anh, khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Thương mại.

3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Tiếng lóng có tầm quan trọng gì đối với việc nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh?

Việc tích hợp các tiếng lóng vào bài học có ý nghĩa như thế nào đối với sinh viên ở học phần tiếng Anh giao tiếp?

3.3. Các phương pháp nghiên cứu

Phiếu điều tra đối với 10 giáo viên tham gia giảng dạy học phần tiếng Anh giao tiếp của Khoa tiếng Anh và 100 sinh viên không chuyên tiếng Anh, năm thứ 2, Khoa Tài chính – Ngân hàng.

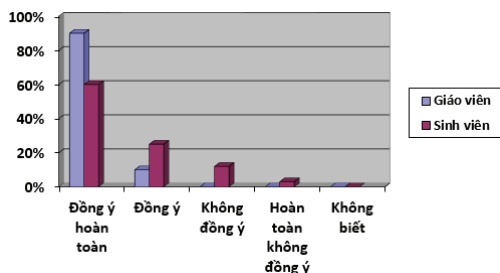
Quan sát thực tế tại các lớp học phần giao tiếp do tác giả giảng dạy.

IV. Kết quả và thảo luận

Quá trình lấy dữ liệu được tiến hành như sau: phát phiếu điều tra cho 10 giáo viên và 100 sinh viên năm thứ hai, không chuyên tiếng Anh, khoa Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Thương mại, sau đó thu lại, kiểm đủ phiếu điều tra, và tiến hành phân tích kết quả. Từ đó, chúng tôi có được những kết quả rất thú vị và bất ngờ.

4.1. Ý nghĩa của việc bổ sung tiếng lóng trong giờ học tiếng Anh

Ngay từ câu hỏi thứ nhất trong bảng điều tra đối với cả giáo viên và sinh viên: “Tiếng lóng rất quan trọng, thú vị và lôi cuốn sinh viên trong giờ học tiếng Anh” chúng tôi đã nhận được sự đồng tình của phần lớn giáo viên và sinh viên. Có đến 90% giáo viên đồng ý hoàn toàn, 10% đồng ý, không có ai không đồng ý. Đối với sinh viên, 60% trong số họ đồng ý hoàn toàn, 25% đồng ý, 12% không đồng ý, 3% hoàn toàn không đồng ý, không có sinh viên nào trả lời là không biết. Kết quả trên cho thấy giáo viên cũng như rất nhiều sinh viên của trường Đại học Thương mại đều nhận thấy vai trò quan trọng của việc bổ sung tiếng lóng trong giờ học tiếng Anh giao tiếp ở trên lớp. Họ không chỉ quan tâm đến tri thức mà còn mong muốn làm quen với những tiếng lóng trong giao tiếp của chính nước Anh.

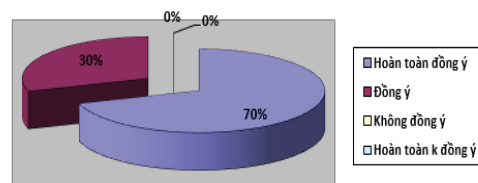


Biểu đồ 1: So sánh quan điểm của giáo viên và sinh viên về vai trò của việc bổ sung tiếng lóng trong giờ học tiếng Anh giao tiếp

Qua số liệu trên chúng ta có thể thấy được rằng hầu hết giáo viên đang giảng dạy học phần tiếng Anh giao tiếp đều cho rằng việc bổ sung tiếng lóng rất quan trọng và giúp thu hút sinh viên trong khi học tiếng Anh. Tuy nhiên, có một số ít sinh viên vẫn chưa nhận ra được vai trò của việc này. Chúng tôi đã quan sát và phỏng vấn một số sinh viên thì được biết những sinh viên đó tiếp thu tiếng Anh kém và thực chất họ cũng không hiểu tiếng lóng để làm gì. Chính vì vậy, khi giảng dạy học phần tiếng Anh giao tiếp, giáo viên nên thường xuyên giới thiệu và giải thích cho sinh viên những tiếng lóng phổ biến.

4.2. Nâng cao hiểu biết của sinh viên về văn hóa Anh – Mỹ thông qua việc bổ sung tiếng lóng vào các bài học.

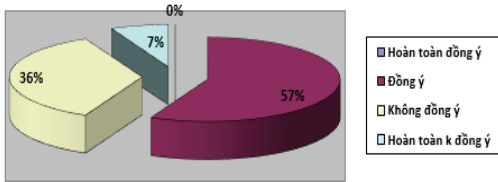
Đa số giáo viên được hỏi đều hoàn toàn đồng ý với chúng tôi là tiếng lóng tạo cho sinh viên những hiểu biết về văn hóa Anh – Mỹ (70%). Và phần lớn sinh viên (57%) cũng đưa ra quan điểm đồng tình với chúng tôi. Thực sự các giờ giảng trên lớp và những kiến thức học được trong bài rất ít đem đến cho sinh viên những nét mới mẻ trong văn hóa Anh, Mỹ, những tình huống khác biệt trong giao tiếp. Chính điều đó khiến sinh viên có rất ít vốn sống để tiến hành các hội thoại với dân bản địa.



Biểu đồ 2: Quan điểm của giáo viên về vai trò của việc bổ sung tiếng lóng khiến sinh viên hiểu biết hơn về văn hóa Anh – Mỹ

Nếu như rất nhiều giáo viên nhận ra được tầm quan trọng của việc bổ sung

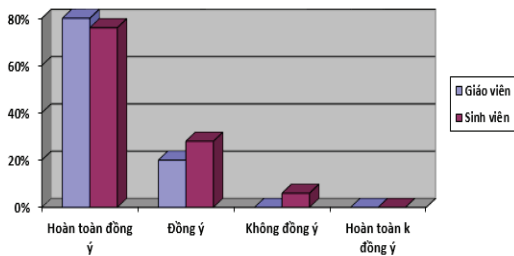
tiếng lóng vào các bài học (70%) thì chỉ có 57% số sinh viên trả lời đồng ý với ý kiến này. 36% không tán thành và 7% là hoàn toàn không tán thành. Thực sự, điều này giúp khẳng định mặc dù sinh viên thích tiếng lóng nhưng họ chưa thực sự có cơ hội làm quen với những từ này. Do đó nhiều sinh viên chưa nhận ra vai trò của tiếng lóng trong việc trau dồi những hiểu biết quý báu về văn hóa Anh – Mỹ.



Biểu đồ 3: Quan điểm của sinh viên về vai trò của việc bổ sung tiếng lóng khiến sinh viên hiểu biết hơn về văn hóa Anh – Mỹ

4.3. Ý nghĩa của việc bổ sung tiếng lóng vào việc phát triển ngôn ngữ cho sinh viên

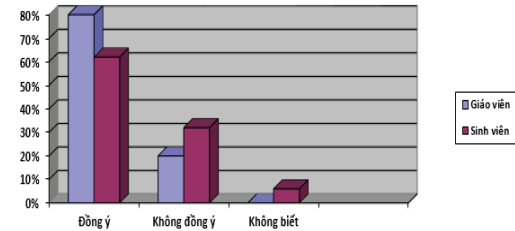
Đa số giáo viên và sinh viên khi được hỏi đều hoàn toàn đồng ý, 80% giáo viên và 76% sinh viên. 20% giáo viên còn lại đồng ý, 28% sinh viên có cùng quan điểm và 6% không đồng ý.



Biểu đồ 4: So sánh quan điểm của giáo viên và sinh viên về vai trò của việc bổ sung tiếng lóng vào việc phát triển ngôn ngữ cho sinh viên

4.4. Ý nghĩa của việc bổ sung tiếng lóng vào các bài học trong việc đối chiếu văn hóa Anh Mỹ và Việt Nam

Phần lớn giáo viên được hỏi đều đồng ý với quan điểm của chúng tôi. 80% giáo viên cho rằng tiếng lóng sẽ giúp sinh viên so sánh được những nét khác biệt trong nền văn hóa Anh Mỹ và Việt Nam. Những tiếng lóng trong các bài học có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa sinh viên tiếp cận với nền văn hóa của nước Anh. Và phần lớn sinh viên (62%) cũng nhận thấy được ý nghĩa của việc này. 32% sinh viên không đồng ý với ý kiến của chúng tôi và 6% còn lại trả lời không biết.

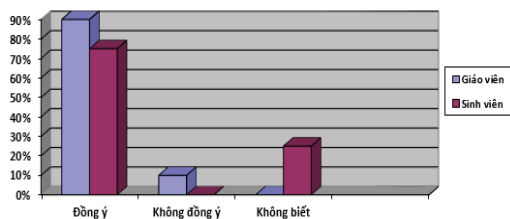


Biểu đồ 5: So sánh quan điểm của giáo viên và sinh viên về vai trò của việc bổ sung tiếng lóng trong việc đối chiếu văn hóa Anh Mỹ và Việt Nam

4.5. Tiếng lóng làm cho sinh viên và giáo viên thích thú trong dạy và học tiếng Anh

Như chúng ta đã biết phần lớn giáo viên và sinh viên đều nhận thấy vai trò quan trọng của việc bổ sung tiếng lóng. Do đó, họ cũng cảm thấy rất hứng thú khi dạy và học tiếng Anh qua các việc này. 90% giáo viên hoàn toàn đồng ý với ý kiến này. Duy nhất một giáo viên không đồng ý.

Cũng rất nhiều sinh viên ủng hộ quan điểm của chúng tôi. 75% sinh viên thấy các buổi học ngôn ngữ thông qua việc bổ sung tiếng lóng có hiệu quả. 25% còn lại không biết, tỷ lệ sinh viên không đồng ý là 0%.

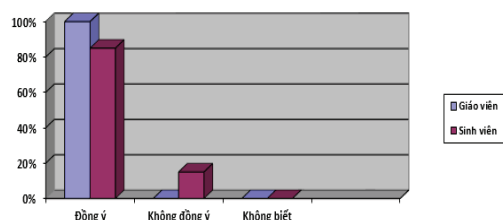


Biểu đồ 6: So sánh quan điểm của giáo viên và sinh viên về việc bổ sung tiếng lóng khiến sinh viên và giáo viên thích thú trong dạy và học tiếng Anh

4.6. Sự cần thiết phải bổ sung tiếng lóng trong học phần giao tiếp tiếng Anh

Phần lớn sinh viên đều hoàn toàn đồng ý với việc phải bổ sung tiếng lóng vào bài học cho sinh viên và thực sự cuốn sách tiếng Anh giao tiếp vẫn chưa có các tiếng lóng để giúp sinh viên tiếp xúc với nét văn hóa mới. 100% giáo viên cho rằng những kiến thức về tiếng lóng của nước Anh cần được giới thiệu trong các bài học. 85% sinh viên có cùng quan điểm như vậy. Trong khi đó 15% số sinh viên được hỏi trả lời là không đồng ý.

Kết quả này đã khích lệ chúng tôi tiếp tục tiến hành nghiên cứu và nỗ lực để bổ sung tiếng lóng cho sinh viên.



Biểu đồ 7: So sánh quan điểm của giáo viên và sinh viên về sự cần thiết phải bổ sung tiếng lóng vào quá trình học tiếng Anh giao tiếp

V. Kết luận

Đôi lúc giáo viên cần cung cấp, bổ sung tiếng lóng và nghĩa tiếng Việt cho sinh viên nhằm mục đích sau đó các em

có cơ sở sử dụng chủ động, tự tin, đúng hướng hơn.

Giáo viên cần có chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn thông qua các hội thảo, báo cáo khoa học bộ môn, khoa, nhà trường để có thêm ủng hộ, trao đổi và đóng góp quý báu một cách khoa học, toàn diện, hữu ích và thực tế từ các nhà chuyên môn, các nhà nghiên cứu và các bộ phận liên quan.

Sinh viên cần có những phản hồi cụ thể để giúp viên điều chỉnh bài học cho phù hợp nhất. Cần chủ động hăng hái tham gia các hoạt động xã hội, quốc tế để kinh nghiệm từ nhà trường được kiểm nghiệm và điều chỉnh phù hợp với giao tiếp ngoài xã hội, nâng cao vốn từ vựng. Tóm lại, sự thành công của bài học không thể thiếu sự năng động, tìm tòi, sáng tạo và thực hành liên tục của sinh viên. Muốn đạt được thành quả trong việc học và sử dụng tiếng lóng, sinh viên cũng cần cởi mở, học hỏi, có tinh thần tôn trọng và có thiện chí đối với các nền văn hóa khác, ngoài văn hóa mẹ đẻ, đồng thời cũng biết phát huy, bảo tồn văn hóa dân tộc.

Ban lãnh đạo nhà trường có vai trò như một nhà lãnh đạo, người tiên phong cho những nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên, cho cố gắng điều chỉnh cách học tập của sinh viên nhằm hướng tới chất lượng đào tạo đạt chuẩn, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Những đề xuất được đưa ra trong đề tài này chỉ mang tính chất gợi ý với mong mỏi sinh viên năm thứ 2 không chuyên khoa Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Thương mại nâng cao năng lực tiếng Anh.

Để giải quyết vấn đề đa dạng về phương ngữ, đôi khi nhà trường nên hỗ trợ kinh phí tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận với nhiều người nước ngoài hơn như thúc đẩy các chương trình hợp tác giáo dục, các chương trình ngoại khóa, giao lưu với bè bạn và chuyên gia nước ngoài.

Vì điều kiện thời gian và năng lực có hạn, chúng tôi mới khảo sát ở một số lượng mẫu chưa thật lớn. Chúng tôi hi vọng những nghiên cứu tiếp theo sẽ tiến hành khảo sát ở phạm vi rộng hơn và có nhiều kết quả mới mẻ hơn, thú vị hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Brown, D. H. (2000). *Principles of language learning and teaching*. (4th edition). New York: Longman.
- [2]. Nguyễn Văn Khang (2002), *Tiếng lóng Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, H.
- [3]. Hymes, D. (1972), *Models of the interaction of language and social life*, New York: Holt, Rinehart, Winston.
- [4]. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.
- [5]. Nguyễn Văn Hiệp (2014), “*Thực trạng sử dụng tiếng Việt phi chuẩn của giới trẻ hiện nay nhìn từ góc độ ngôn ngữ học xã hội*”, Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống, số 5.
- [6]. R. Tylor (1987), *Primitive Culture*, Missouri Education.
- [7]. Nguyễn Thị Ly Na (2021), *Đặc điểm ngôn ngữ của cộng đồng LGBT trên mạng xã hội*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Viện ngôn ngữ học.
- [8]. Richmond, E.B. (1987), “*Utilizing proverbs as a focal point to cultural awareness and communicative competence: illustrations from Africa.*” *Foreign Language Annuals*. 20 (3),213-216.
- [9]. Trần Thị Hồng Hạnh (2015), “*Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa của uyển ngữ tiếng Việt*”, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 8 (238), tr.74-79.
- [10]. UNESCO (1982), *World Conference on Cultural Policies*, Mexico City.

ADDING SLANG TO THE LESSONS OF THE ENGLISH COMMUNICATION COURSE FOR THE SECOND YEAR STUDENTS – THUONGMAI UNIVERSITY

Tran Anh Thu[†]

Abstract: *The goal of teaching English today as an applicable language is to develop practical communication skills for students. To communicate effectively, learners need to clearly understand the culture of the native people, especially slang. Therefore, the cultural factor of the language is also essential for students in the communication process. Integrating English slang into the teaching and learning process in the English Communication course at Thuongmai University is extremely meaningful and effective.*

Keywords: *communication skills, slang, Thuongmai University.*

[†] Thuongmai University